

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 282 /CBTT - MĐ

Cao Bằng, ngày 06 tháng 10 năm 2020

## **CÔNG VĂN**

Về việc công bố báo cáo thường niên năm 2019

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước**

**Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Mã chứng khoán: CBS

Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng - huyện Quảng Hòa - tỉnh Cao Bằng

Điện thoại liên hệ: 0206 3 824121 Số Fax: 0206 3 824113

E-mail: Caobangsugar@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Nông Văn Lạc Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Địa chỉ: Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

Điện thoại di động: 0914216588

2. Nội dung thông tin công bố :

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

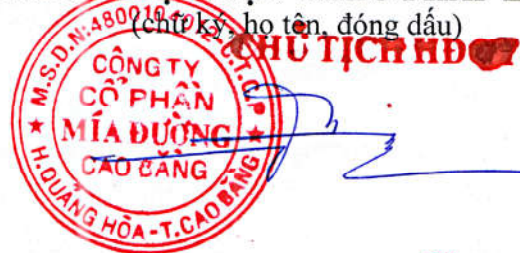
Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng thực hiện công bố thông tin: **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 06/10/2020 tại đường dẫn <http://www.miaduongcaobang.vn/quanhecodong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**Nơi nhận:**

- Như kính gửi,
- Lưu HS đại chúng;
- Lưu Vt.

*Nông Văn Lạc*

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

**Đơn vị: Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng**

Địa chỉ : Thị Trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

Điện thoại : 0206 3824121

Fax : 0206 3824113

Website : [www.miaduongcaobang.vn](http://www.miaduongcaobang.vn)

Email :

*Tháng 9 năm 2020*

# MỤC LỤC

## **I. Thông tin chung**

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro ảnh hưởng

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức nhân sự
3. Tình hình đầu tư dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## **III. Báo cáo của Ban giám đốc**

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động công ty**

1. Về các mặt hoạt động
2. Về hoạt động của Ban tổng giám đốc
3. Kế hoạch định hướng

## **V. Quản trị công ty**

## **VI. Báo cáo tài chính**

---

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

**Năm tài chính: Từ 01/07/2019 đến 30/06/2020**

---

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát .**

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1103000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 14/03/2006 đến nay đã được thay đổi lần thứ 05: mã số doanh nghiệp 4800104012 ngày 05/08/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.
- Vốn điều lệ : 35.279.250.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 35.279.250.000 đồng
- Địa chỉ : Thị trấn Tà Lùng, Huyện Phục Hòa, Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại : 026 3824121 ; Số Fax : 026 3824113
- Website : [www.miaduongcaobang.vn](http://www.miaduongcaobang.vn)

**2. Quá trình hình thành và phát triển .**

- Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty mía đường Cao Bằng được khởi công xây dựng theo Quyết định số 292/UB-QĐ ngày 16/04/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đến tháng 12/1997 nhà máy được hoàn thành và đi vào vụ sản xuất đầu tiên với công suất thiết kế là 700 tấn mía/ ngày.
- Ngày 08/07/1996 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định số 584/UB-QĐ-DN về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty mía đường Cao Bằng.
- Giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2005: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, vùng nguyên liệu phát triển chưa ổn định không cung cấp đủ nguyên liệu mía cho sản xuất, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ triền miên, Công ty có nguy cơ bị phá sản, đây cũng là tình hình chung của các công ty sản xuất mía đường trong nước. Trước những khó khăn chung của ngành sản xuất mía đường, để tháo gỡ khó khăn Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/03/2004 về việc tổ chức lại sản xuất và thực hiện một số giải pháp xử lý khó khăn đối với các nhà máy và công ty đường.
- Thực hiện Quyết định 28 của Chính phủ, các khó khăn lớn về tài chính của Công ty mía đường Cao Bằng đã được giải quyết, Công ty đã được chính phủ cho phép xóa nợ thuế, nợ lãi tiền vay ngân hàng, nợ phí bảo lãnh nhập khẩu thiết bị, được cấp bù chênh lệch tỷ giá, được gia hạn trả nợ vốn vay đầu tư xây dựng Nhà máy, được bổ sung mở rộng vùng nguyên liệu mía và được sắp xếp chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần.

- Ngày 19/12/2005 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 3560/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty mía đường Cao Bằng thành công ty cổ phần. Ngày 20/01/2006 Đại hội đồng cổ đông sáng lập công ty được tổ chức, Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 1103000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng cấp ngày 14/03/2006 với số vốn điều lệ ban đầu là 3.638.960.000 đồng.
- Giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2009: Sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần, công ty vẫn gặp nhiều khó khăn, sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả do năng lực về tài chính còn yếu; thị trường tiêu thụ chưa ổn định; giá bán đường thấp; công suất của dây truyền sản xuất đường chưa được nâng cấp cải tạo dẫn đến thời gian vụ sản xuất kéo dài (vụ ép 2007-2008 kéo dài đến tháng 6/2008) sản xuất không hiệu quả.
- Trước những khó khăn thách thức mới, Ban lãnh đạo Công ty đã lựa chọn giải pháp đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường nhằm rút ngắn thời gian sản xuất, tăng hiệu suất thu hồi, giảm chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm. Năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt dự án đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất đường từ 700 tấn mía/ ngày lên 1.800 tấn mía/ ngày, dự kiến hoàn thành trong năm 2014. Kết quả thực hiện, sau khi được đầu tư nâng cấp đến vụ sản xuất 2012-2013 công suất ép thực tế đạt 1.600 tấn mía/ ngày, các vụ sản xuất tiếp theo công suất ép thực tế đều đạt 1.700 tấn mía/ ngày, dây truyền sản xuất ổn định đáp ứng được yêu cầu đề ra, sản xuất kinh doanh của Công ty từng bước được ổn định, hiệu quả.
- Công ty đã trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 1943/UBCK-QLPH ngày 01/6/2012 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường UPCOM kể từ ngày 20/06/2017.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.**

**a. Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất đường kính từ cây mía;

Sản xuất và xuất khẩu mía nguyên liệu

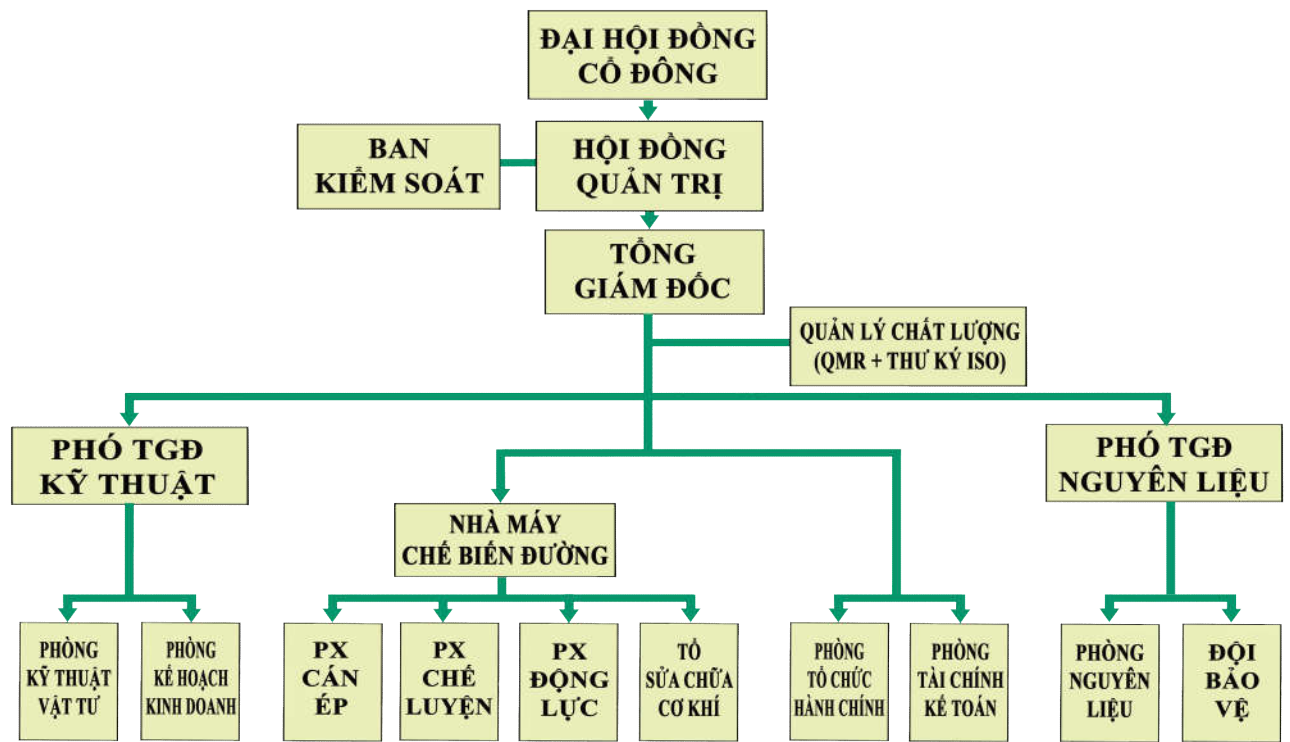
**b. Địa bàn kinh doanh:**

- Vùng nguyên liệu mía: Gồm Huyện Quảng Hòa (sát nhập huyện Phục Hòa và Huyện Quảng Uyên), Huyện Thạch An, huyện Trùng Khánh của Tỉnh Cao Bằng.
- Địa bàn tiêu thụ: Địa bàn tiêu thụ chính trong hai năm gần nhất là các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Nguyên, Cao Bằng và các tỉnh lân cận.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .**

- Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý .

**Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty**



- Công ty con, công ty liên kết: Không có .

## 5. Định hướng phát triển :

- **Mục tiêu chủ yếu :**

Phát triển Công ty thành một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề trên cơ sở phát huy tối ưu ngành chế biến mía đường, sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh, từng bước phát triển vững chắc các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất , dịch vụ nhằm tăng nhanh quy mô và hiệu quả kinh doanh đưa công ty thành một doanh nghiệp mạnh trên địa bàn Tỉnh Cao Bằng.

- **Kế hoạch phát triển :**

### + Sản xuất mía đường :

- Xây dựng vùng nguyên liệu: Ủy ban nhân Tỉnh Cao Bằng đã phê duyệt bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía giai đoạn 2012-2015 tại Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 nâng tổng diện tích mía theo quy hoạch lên 4.200 ha nằm trên 26 xã ,thị trấn thuộc 03 huyện Phục Hòa, huyện Quảng Uyên, huyện Thạch An của tỉnh Cao Bằng với mục tiêu của Công ty nhằm phát triển vùng nguyên liệu mía ổn định, bền vững, cung cấp đủ sản lượng mía nguyên liệu từ 200.000 tấn trở lên theo lộ trình mở rộng công suất của Công ty .

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công tác khuyến nông vào việc thâm canh tăng năng suất, chuyển dịch cơ cấu giống mía mới cho năng suất và chất lượng cao .

- Tiếp tục duy trì công suất chế biến đường từ 1.700 – 1.800 tấn mía/ ngày trong giai đoạn 2015-2020 trên dây chuyền công nghệ tiên tiến đảm bảo đường thành phẩm đạt chất lượng cao phù hợp thị hiếu người tiêu dùng .

- Tiếp tục củng cố mối quan hệ với chính quyền địa phương, các xã có diện tích mía và người dân trồng mía với phương châm đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người nông dân .

### + Sản xuất và xuất khẩu mía nguyên liệu:

Hợp tác với đối tác Trung Quốc để mở rộng phát triển sản xuất mía nguyên liệu với mục tiêu phấn đấu từ vụ đông xuân 2017-2018 đến vụ đông xuân 2020-2021: Diện tích mía nguyên liệu đạt từ 2.850 ha đến 4.000 ha; sản lượng mía đạt từ 180.000 tấn đến 272.000 tấn mía; sản lượng mía xuất khẩu từ 30.000 tấn đến 68.000 tấn.

## 6. Các rủi ro :

- Kinh tế - xã hội năm 2019 nước ta vẫn trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức. Sản xuất mía đường gặp nhiều khó khăn, sản phẩm tồn kho cao, thị trường còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro và bất ổn, bên cạnh đó thời tiết diễn biến khó lường, dịch bệnh xảy ra trên cây trồng, vật nuôi và con người.

- Vụ sản xuất 2019- 2020 trong tình hình chung của cả nước, ngành SX chế biến đường gặp nhiều khó khăn. Vốn cho sản xuất chủ yếu bằng vốn vay vì vậy phụ thuộc vào chính sách tín dụng của Ngân hàng, bên cạnh đó đường trong nước sản xuất đã đáp ứng đủ cho tiêu dùng song đường nhập lậu vẫn chưa kiểm soát được, thâm lậu gây dư thừa đường, tiêu thụ khó khăn , trong năm sản phẩm đường sản xuất chủ yếu tiêu thụ trong thị trường nội địa, giá tiêu thụ không ổn định. Đặc biệt đầu năm 2020 đến nay do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên thị trường tiêu thụ của Công ty gặp nhiều khó khăn.

Những yếu tố bất lợi trên đã tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Kết quả hoạt động kinh doanh từ tháng 7/2019 đến hết tháng 6/2020:**

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH năm 2018 (từ T7/2018 đến hết T6/2019)	Năm 2019 (từ T7/2019 đến hết T6/2020)		So sánh (%) số TH năm 2019 với:	
				Số kế hoạch	Số thực hiện	KH năm 2019	TH năm 2018
1	Sản lượng mía nguyên liệu	tấn	192,716	162,000	144,352	89.11	74.90
2	Sản lượng đường sản xuất	tấn	18,945	17,053	15,101	88.55	79.71
3	Doanh thu thuần	tr.đồng	192,146	234,541	255,800	109.06	133.13
4	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	(28,755)	1,506	7,600	504.65	(26.43)
5	Nộp ngân sách Nhà nước	tr.đồng	5,500	8,000	9,323	116.54	169.51
6	Vốn điều lệ	tr.đồng	35,279	35,279	35,279	100.00	100.00
7	Vốn chủ sở hữu	tr.đồng	54,120	55,626	61,720	110.96	114.04

- **Thành tích đạt được :**

Vụ ép 2019-2020 tổ chức tốt sản xuất; thu mua hết mía nguyên liệu cho các nông hộ, thanh toán tiền mía cho các nông hộ qua tài khoản ngân hàng (tỷ lệ thanh toán qua tài khoản chiếm 99%). Tổng sản lượng mía đã thu mua là 144,352 tấn.

Công ty đã hoàn thành quá trình cải tạo nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường, nâng công suất thiết kế từ 700 tấn mía/ ngày lên 1.800 tấn mía/ ngày. Duy trì công suất ép bình quân đạt 1.700 tấn mía ngày.

Sản xuất thành công đường kính vàng (đường hoa mai), chất lượng đáp ứng được thị hiếu nhu cầu của người tiêu dùng.

### ***Tồn tại hạn chế của vụ sản xuất 2019-2020:***

Diện tích sản xuất mía của các nông hộ ít, manh mún nên việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất mía gặp nhiều khó khăn, giá thành sản xuất mía cao do năng suất thấp (năng suất bình quân trong vụ đạt 60 tấn/ ha) .

Mía nguyên liệu sản xuất trong vùng nguyên liệu của công ty vẫn bị tư thương tranh mua để xuất bán lậu sang thị trường Trung Quốc; việc xuất khẩu mía nguyên liệu khó khăn do đại dịch Covid-19.

## **2. Tổ chức nhân sự .**

Năm 2019 Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty không thay đổi.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### ***Hội đồng quản trị:***

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>	<b>Ngày miễn nhiệm</b>
Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch	01 tháng 11 năm 2015	
Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch	01 tháng 11 năm 2015	
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên	01 tháng 11 năm 2015	
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên	01 tháng 11 năm 2015	
Ông Nông Văn Thuyết	Thành viên	01 tháng 11 năm 2015	

### ***Ban kiểm soát:***

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>	<b>Ngày miễn nhiệm</b>
Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng Ban	01 tháng 11 năm 2015	
Ông Trương Minh Đức	Thành viên	01 tháng 11 năm 2015	
Ông Đinh Bé Đính	Thành viên	01 tháng 11 năm 2015	

### ***Ban điều hành:***

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>	<b>Ngày miễn nhiệm</b>
Ông Nông Văn Lạc	Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2011	01 tháng 08 năm 2020
Ông Ma Trung Lập	Phó T. Giám đốc	01 tháng 7 năm 2011	Bổ nhiệm TGD từ ngày 01/08/2020
Bà Nông Thị Nậu	Phó T. Giám đốc	01 tháng 7 năm 2011	
Ông Nông Văn Thuyết	Phó T. Giám đốc	01 tháng 08 năm 2020	



**Tóm tắt lý lịch cá nhân của các thành viên HĐQT, BKS và ban điều hành:****2.1. Thành viên Hội đồng quản trị:****2.1.1 Ông Nông Văn Lạc - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Nông Văn Lạc
Số CMTND	080385530 cấp ngày 25/12/2012 tại công an Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/02/1961
Nơi sinh	Xã Chí Viễn. Huyện Trùng Khánh . Tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn. Huyện Trùng Khánh. Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Phường Hợp Giang. Thành phố Cao Bằng. tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3 824160
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế. Cao cấp lý luận chính trị
<b>Quá trình công tác</b>	
04/1985 – 11/1985	Nhân viên kế toán Sở Thương nghiệp Cao Bằng
12/1985 – 09/1987	Nhân viên kế toán tổng hợp công ty thực phẩm nông sản Cao Bằng
10/1987 – 03/1993	Phó phòng kế toán công ty thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
04/1994 – 08/1996	Phó giám đốc công ty thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
09/1996 – 09/2000	Trưởng phòng kế toán công ty mía đường Cao Bằng
10/2000 - 08/2004	Phó giám đốc công ty mía đường Cao Bằng
09/2004 - 12/2005	Giám đốc công ty mía đường Cao Bằng
01/2006 - 06/2011	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
07/2011 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty; Từ ngày 01/08/2020 là Chủ tịch HĐQT.
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	1.641.619 CP, tỷ lệ sở hữu 46,52% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng	Vợ là Bà Nông Thị Hoa sở hữu 23.049 cổ phần tương

khoản của những người liên quan	ứng 0,65% vốn điều lệ; Con gái là Bà Nông Thị Thu Hà sở hữu 24.332 cổ phần tương ứng 0,69% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

### 2.1.2 Ông Ma Trung Lập – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Ma Trung Lập
Số CMTND	080425042 cấp ngày 09/09/2004 tại công an Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/06/1964
Nơi sinh	TT.Hòa Thuận.. H. Phục Hòa. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	TT.Hòa Thuận. Huyện Phục Hòa. Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Xóm Pò Rịn. TT.Hòa Thuận. H.Phục Hòa. T.Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân cơ điện
<b>Quá trình công tác</b>	
05/1995 – 02/1996	Cán bộ kỹ thuật nhà máy xi măng Cao Bằng
03/1996 – 07/1997	Phó quản đốc PX nhà máy xi măng Cao Bằng
08/1997 – 12/1997	Cán bộ kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
01/1998 – 03/1998	Phó quản đốc PX cán thép công ty mía đường Cao Bằng
04/1998 – 10/2000	Quyền QĐ PX sửa chữa cơ điện công ty mía đường Cao Bằng
11/2000 – 07/2003	Phó phòng kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
08/2003 – 10/2004	Trưởng phòng kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng

11/2004 – 12/2005	Phó giám đốc công ty Mía đường Cao Bằng
01/2006 – 06/2011	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty CP Mía đường Cao bằng
07/2011 - đến nay	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó chủ tịch HĐQT kiêm phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật của Công ty.
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	53.508 cổ phiếu chiếm 1.52% Vốn Điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

### 2.1.3 Ông Lê Anh Tuấn - Thành viên HĐQT

Họ và tên	Lê Anh Tuấn
Số CMTND	085088019 cấp ngày 09/06/2011 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	14/ 03/ 1960
Nơi sinh	Lạc hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	Tổ 1, thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3 824174
Trình độ văn hoá	10/10

Trình độ chuyên môn	Đại học biên phòng
Quá trình công tác	
09/1978 – 09/1982	Sinh viên Đại học biên phòng.
10/1982 – 03/1994	Bộ đội biên phòng Cao Bằng
04/1994 – 01/1997	Phục viên ở nhà
02/1997 – 10/2000	Nhân viên Phòng Tổ chức hành chính
11/2000 – 03/2006	Phó phòng Tổ chức hành chính
04/2006 – 11/2010	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
12/2010 – đến nay	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	35.672 cổ phiếu chiếm 1.01% Vốn Điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

#### 2.1.4 Bà Mã Thị Quyết - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên	Mã Thị Quyết
Số CMTND	080358911 cấp ngày 20/07/2009 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/ 10/ 1973
Nơi sinh	Xã Hoàng Tung. Huyện Hòa An. Tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Hoàng Tung. Huyện Hòa An. Tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ thường trú	Tập thể Nhà máy đường Phục Hòa. tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824130
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác	
12/1997 – 03/1998	NV kế toán công ty mía đường Cao Bằng
04/1998 – 10/2000	Phó phòng kế toán công ty mía đường Cao Bằng
11/2000 – 12/2002	Quyền TP kế toán công ty mía đường Cao Bằng
01/2003 – 09/2006	TP kế toán công ty mía đường Cao Bằng
10/2006 – nay	Kế toán trưởng công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng công ty
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	79.184 cổ phiếu. chiếm 2.24% Vốn Điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Chồng là Ông Đàm Thịnh Hưng sở hữu 8.232 cổ phần tương ứng 0.23% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

#### 2.1.5. Ông Nông Văn Thuyết – Thành viên HĐQT

Họ và tên	Nông Văn Thuyết
Số CMTND	080528076 cấp ngày 12/04/2012 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/ 07/ 1984
Nơi sinh	Xã Chí Viễn. H. Trùng Khánh. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày

Quê quán	Xã Chí Viễn. H. Trùng Khánh. T. Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Tập thể Nhà máy đường Phục Hòa. T.Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824150
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân cơ giới hóa lâm nghiệp
Quá trình công tác	
Từ tháng 9/2009 đến nay	Cán bộ kỹ thuật công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Cán bộ kỹ thuật công ty CP mía đường Cao Bằng. Từ ngày 01/08/2020 được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	165.816 cổ phiếu. chiếm 4.7% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

## 2.2. Thành viên ban kiểm soát:

### 2.2.1 Bà Hoàng Thị Quyết - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	Hoàng Thị Quyết
Số CMTND	080389349 cấp ngày 10/04/2012 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/ 10/ 1974
Nơi sinh	Xã Nam Tuấn. H. Hòa An. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Nam Tuấn. H. Hòa An. T. Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	TT Tà Lùng. huyện Phục Hòa. Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
<b>Quá trình công tác</b>	
06/1996 – 12/1996	Nhân viên công ty Thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
01/1997 – 05/2006	Nhân viên công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
06/2006 – 10/2015	Phó phòng Tài chính kế toán công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2015 – nay	Trưởng ban kiểm soát công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Trưởng Ban kiểm soát công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	16.072 cổ phiếu. chiếm 0.46% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

### 2.2.2. Ông Trương Minh Đức – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Trương Minh Đức
Số CMTND	080468357 cấp ngày 01/07/2009 nơi cấp CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/ 02/ 1978
Nơi sinh	Xã Vân Sơn. huyện Thiệu Sơn. tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày

Quê quán	Xã Vân Sơn. huyện Thiệu Sơn. tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	Phường Sông Bằng. Thành phố Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện tự động hóa công nghiệp
Quá trình công tác	
11/1999 – 12/2000	Công nhân vận hành công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
01/2001 – 10/2011	Công nhân sửa chữa điện công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2011 – 10/2013	Kỹ thuật viên xưởng công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2013 – 09/2014	Nhân viên phòng kỹ thuật công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
10/2014 – đến nay	Quản đốc phân xưởng Động Lực công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên BKS Công ty
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	11.642 cổ phiếu. chiếm 0.33% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

### 2.2.3. Ông Đinh Bé Đính – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Đinh Bé Đính
Số CMTND	080375579 cấp ngày 03/08/2011 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	14/ 11/ 1982
Nơi sinh	Xã Mỹ Hưng. H. Phục Hòa. T. Cao Bằng



Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Mỹ Hưng. H. Phục Hòa. T. Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Tập thể Nhà máy đường Phục Hòa. Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ điện
<b>Quá trình công tác</b>	
08/2007 – 09/2011	Cán bộ kỹ thuật + Phó quản đốc Xưởng Đường công ty CP mía đường Cao Bằng
10/2011 – đến nay	Quản đốc PX Cán Ép công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên BKS công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	7.840 cổ phiếu. chiếm 0.22% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

### 2.3. Thành viên ban Tổng Giám đốc

**2.3.1. Ông Nông Văn Lạc** (Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục Hội đồng quản trị)

**2.3.2. Ông Ma Trung Lập** (Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục Hội đồng quản trị)

**2.3.3. Bà Nông Thị Nậu – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Nông Thị Nậu
Số CMTND	085088020 cấp ngày 09/06/2011 tại CA Cao Bằng

Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	22/ 12/ 1968
Nơi sinh	X. Hồng Định. H.Quảng Uyên. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Hồng Định. Huyện Quảng Uyên. Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Tập thể Nhà máy đường Phục Hòa. Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824487
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư nông nghiệp
<b>Quá trình công tác</b>	
10/1997 – 12/1997	Nhân viên công nghệ đường công ty mía đường Cao Bằng
01/1998 – 10/1998	Phó Quản đốc PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
11/1998 – 12/2000	Quyền QĐ PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
01/2001 – 07/2003	Quản đốc PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
08/2003 – 11/2010	Trưởng phòng nguyên liệu mía công ty CP mía đường Cao Bằng
12/2010 – 06/2011	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
07/2011 – 10/2015	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
11/2015 - đến nay	Phó tổng giám đốc. công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó Tổng giám đốc phụ trách vùng nguyên liệu mía; Chủ tịch công đoàn Công ty.
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	28.812 cổ phiếu. chiếm 0.82% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Chồng là Ông Đình Ích Bôi sở hữu 2.352 cổ phần tương 0,07% vốn điều lệ; Con gái là Bà Đình Thị Bền sở hữu 3.920 cổ phần tương ứng 0,11% vốn điều lệ.

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

#### 2.4. Kế toán trưởng: Bà Mã Thị Quyết – Kế toán trưởng

*(Sơ yếu lí lịch của kế toán trưởng đã được trình bày tại mục Hội đồng Quản trị)*

#### 2.5. Cơ cấu lao động của Công ty:

##### Cơ cấu lao động ngày 30/06/2019

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học trở lên	27	8.85
2	Cao đẳng, trung cấp	56	18.36
3	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	222	72.79
<b>Tổng cộng</b>		<b>305</b>	<b>100</b>

##### Thu nhập của người lao động

	Niên độ 2017 - 2018	Niên độ 2018 - 2019	Niên độ 2019 - 2020
Mức lương bình quân	4.949.000 đồng/người/tháng	5.350.000 đồng/người/tháng	4.908.000 đồng/người/tháng

#### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .

Dây truyền sản xuất chế biến đường được bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, trong năm chi phí đầu tư nâng cấp sửa chữa thiết bị 5,5 tỷ đồng. Đầu tư mua mới một căn hộ Shophouse thuộc dự án TNR Star Center Cao Bằng.

#### 4. Tình hình tài chính:

##### a> Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018 (từ T7/2018 - > hết T6/2019)	Năm 2019 (từ T7/2019 - > hết T6/2020)	% tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	190,227	127,832	(-) 32.8
2	Doanh thu thuần	Tr. đồng	162,146	255,801	(+) 57.76
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	(28,898)	6,792	
4	Lợi nhuận khác	Tr. đồng	211	808	(+) 282.94
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr. đồng	(28,687)	7,600	
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	(28,755)	7,600	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	-	-	

**b> Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2018 (từ T7/2018 -> hết T6/2019)	Năm 2019 (từ T7/2019 - > hết T6/2020)	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,81	0,94	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,09	0,48	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,71	0,51	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,51	1,07	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	3,07	4,47	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,85	2,00	

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2018</b> (từ T7/2018 -> hết T6/2019)	<b>Năm 2019</b> (từ T7/2019 - > hết T6/2020)	<b>Ghi chú</b>
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-	0,03	

## **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .**

### **a> Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần: 3.527.925 cổ phần
- Loại CP đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số lượng CP chuyển nhượng tự do: 3.527.925 cổ phần
- Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: Không

### **b> Cơ cấu cổ đông (Danh sách cổ đông có đến 30/6/2020):**

Tổng số cổ đông: 355 Cổ đông, số CP: 3.527.925, tỷ lệ sở hữu 100%, trong đó:

- Cổ đông lớn: 02 Cổ đông trong đó:

+ Cổ đông lớn là cá nhân: 01 cổ đông là Ông Nông Văn Lạc, số cổ phần nắm giữ là 1.641.619 CP, tỷ lệ sở hữu 46,52%.

+ Cổ đông lớn là tổ chức: 01 cổ đông là Công ty CP TM & DV Song Phương , số cổ phần nắm giữ là 196.000CP, tỷ lệ sở hữu là 5,56%

- Cổ đông nhỏ: 353 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 1.690.306 CP, chiếm tỷ lệ sở hữu: 47,92%, trong đó:

+ Cổ đông tổ chức: Không có

+ Cổ đông cá nhân: 353 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 1.690.306 CP, chiếm tỷ lệ sở hữu: 47,92%,

- Cổ đông trong nước: chiếm tỷ lệ sở hữu 100%.

- Cổ đông nước ngoài: Không có.

**c> Tình hình thay đổi vốn của chủ sở hữu: Không có**

**d> Giao dịch cổ phiếu quỹ: không**

**e> Các chứng khoán khác: Không**

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .**

### **a) Tiêu thụ nguyên liệu**

Nguyên liệu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Mía đường Cao Bằng là cây mía. Khối lượng mía đưa vào sản xuất trong trong niên độ 2019 – 2020 là 144,352 tấn. Sau khi tiến hành sản xuất đường thì các phế phẩm được thu thập và xử lý như sau:

- Đối với bã mía: Được sử dụng làm nhiên liệu đốt cho lò hơi để cung cấp nhiệt cho dây truyền SX chế biến đường; Số lượng bã không sử dụng hết được bán ra thị trường;
- Đối với bã bùn: Được sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Mật ri: Được thu vào bồn chứa và bán cho cơ sở sản xuất cồn.

### **b) Tiêu thụ nhiên liệu**

Trong dây truyền sản xuất mía đường, nguồn nhiên liệu chính mà Công ty sử dụng là bã mía làm nguyên liệu đốt cho lò hơi để cung cấp nhiệt cho chạy tuabin phát điện và cung cấp nhiệt cho nấu đường.

### **c) Tiêu thụ nước**

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh được sử dụng trực tiếp từ nước sông.

Lượng nước thải của Công ty sau quá trình sản xuất được thu gom, xử lý và xả thải đúng quy định, đảm bảo không gây các tác động xấu đến môi trường xung quanh.

### **c) Chính sách đối với người lao động**

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:
  - Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;
  - Bồi dưỡng đội ngũ quản lý có năng lực, trình độ chuyên môn;
  - Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban theo hướng gọn nhẹ;
  - Thu hút nguồn nhân lực có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chính sách lương thưởng – phúc lợi
  - Xây dựng chế độ Tiền lương, thưởng và phụ cấp cho cán bộ nhân viên một cách rõ ràng, minh bạch;
  - Thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quy định của Nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động;
  - Thương xuyên quan tâm đến đời sống như tinh thần của cán bộ nhân viên bằng các hoạt động đoàn thể, thăm quan – du lịch hay thể dục – thể thao, ...

### **d) Tuân thủ pháp luật về môi trường**

Công ty luôn chủ động nắm bắt và cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng luôn đảm bảo tuân thủ tốt các quy định về môi trường.

#### **e) Trách nhiệm đối với cộng đồng – xã hội**

Từ khi thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng luôn ý thức việc phát triển doanh nghiệp gắn liền với trách nhiệm đối với cộng đồng - xã hội.

Bên cạnh việc tuân thủ nghĩa vụ về Thuế đối với nhà nước, Công ty cũng có những hoạt động thiện nguyện như: Ủng hộ các quỹ từ thiện của địa phương; Tham gia phong trào đền ơn đáp nghĩa; Làm nhà tình nghĩa...

### **III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vụ 2019-2020 .**

##### ***1.1. Thuận lợi:***

- Vụ ép 2019-2020 công suất ép thực tế của dây truyền sản xuất chế biến đường đạt 1.700 tấn mía/, tăng 1,06 lần so vụ 2012-2013, tăng 2,42 lần so trước khi nâng công suất.

- Công ty luôn quan tâm chia sẻ lợi ích với nông dân trồng mía trong vùng được quy hoạch là điều kiện thuận lợi để phát triển ổn định bền vững vùng nguyên liệu cho công ty, Cây mía luôn được Chính quyền địa phương xác định là cây trồng mũi nhọn để phát triển kinh tế nông nghiệp .

- Các chế tài quản lý được điều chỉnh thường xuyên và sát thực tế đã phát huy tác dụng trên tất cả các lĩnh vực. Tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật qua nhiều năm kinh nghiệm đã làm chủ được máy móc thiết bị trong quá trình vận hành và cân bằng dây chuyền công nghệ sản xuất.

##### ***1.2. Khó khăn:***

Đường nhập lậu không kiểm soát được đã tác động mạnh đến tình hình tiêu thụ giá tiêu thụ đường trên thị trường không ổn định, sức mua của thị trường trong nước và xuất khẩu giảm mạnh do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn cầu.

Vùng nguyên liệu mía của Công ty bị tư thương tranh mua để xuất lậu mía nguyên liệu sang Trung Quốc, đây là khó khăn lớn hiện nay làm ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD của Công ty.

#### **3. Những cải tiến về về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

##### **• Công tác xây dựng và quản lý vùng mía nguyên liệu:**

- Xây dựng chiến lược đầu tư vùng nguyên liệu với các giải pháp đồng bộ trên cơ sở diện tích đã quy hoạch một cách khoa học nhằm đảm bảo sản lượng mía nguyên liệu cho nhà máy hoạt động ổn định sau khi nâng công suất .

- Quan hệ với các Trung tâm nghiên cứu khoa học để tìm bộ giống mía có năng suất, chất lượng, phù hợp điều kiện khí hậu thổ nhưỡng trong vùng. Tuyên truyền, khuyến khích nông dân đẩy mạnh việc trồng và chăm sóc mía, với cơ cấu giống, phân bón khoa học nhằm tăng năng suất, chất lượng và rải vụ hợp lý.

- Điều chỉnh quy chế quản lý đầu tư và thu mua mía khoa học, sát thực tế và xây dựng các cơ chế chính sách kinh tế hỗ trợ đầu tư nhằm phát triển ổn định vùng nguyên liệu, nâng cao năng suất chất

lượng mía; Duy trì và nhân rộng hiệu quả hoạt động của Câu lạc bộ các hộ trồng mía có năng suất mía từ 80 tấn/ ha trở lên.

- Phối hợp với các cấp chính quyền để giúp Công ty quản lý vùng nguyên liệu và chống tranh mua tranh bán mía nguyên liệu trong vùng đã được quy hoạch. Bên cạnh đó chủ động đưa ra các giải pháp để bảo vệ vùng nguyên liệu đã đầu tư .

- **Công tác thiết bị .**

- Đầu tư chiều sâu để nâng cao hiệu suất ép , hiệu suất tổng thu hồi , nâng cao chất lượng hạ giá thành sản phẩm. Khi kết thúc vụ ép thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng dây truyền sản xuất, hoàn thành đầu tư nâng công suất Nhà máy chế biến đường theo đúng kế hoạch đề ra.

- Quan tâm đến công tác An toàn vệ sinh lao động – An toàn thực phẩm - Phòng chống cháy nổ .

- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường, không ngừng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải , khói , bụi , tiếng ồn ... bảo đảm quy chuẩn , quy phạm do Nhà Nước ban hành

- **Công tác tài chính:**

- Quản lý và sử dụng chặt chẽ các nguồn vốn, cân đối đủ nguồn vốn đầu tư cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh . Chủ động tìm và cân đối nguồn vốn sau khi dự án Mở rộng công suất Nhà máy đường đi vào hoạt động ,vốn cho SXKD, xây dựng cơ bản , sinh hoạt của Công ty .

- Quản lý tốt chi phí, giảm thiểu giá thành sản phẩm.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc thu nợ đầu tư đúng hạn đảm bảo nguồn vốn tái đầu tư cho công ty .

- Kiểm soát và sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển vốn .

- Bổ sung các chế tài quản lý tài chính phù hợp luật pháp Nhà nước và điều lệ Công ty .

- **Công tác tổ chức - lao động - tiền lương:**

- Quản lý điều hành sản xuất thông qua quy chế, thường xuyên rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật và áp dụng chế tài chặt chẽ, thưởng phạt nghiêm minh nhằm nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao ý thức trách nhiệm trên mỗi cương vị được phân công, góp phần hoàn thành nhiệm vụ được giao .

- Xây dựng phương án trả lương trong điều kiện thực tế của Công ty phù hợp quy định của Nhà nước, nhằm kịp thời động viên mọi thành viên trong công ty nỗ lực phấn đấu vì tiến bộ của bản thân và phát triển của Doanh nghiệp.

- Bổ sung và giám sát chặt chẽ qui trình sản xuất chế biến đường, điều nhân xuất khẩu và các loại sản phẩm khác, đặc biệt chú trọng đến chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Nhà nước.

- Phát triển nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.

- **Công tác thị trường:**

- Nắm bắt thị trường, phân tích thông tin để có kế hoạch tiêu thụ các loại sản phẩm đạt hiệu quả cao. Có chính sách đãi ngộ đối với các khách hàng để giữ mối liên hệ thường xuyên và lâu dài khi thị trường thuận lợi cũng như lúc khó khăn .

- **Công tác đoàn thể:**



- Phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức Đảng, Công đoàn, đoàn Thanh niên, và các tổ chức đoàn thể khác nhằm giáo dục ý thức trách nhiệm của người lao động cũng như phát động các phong trào thi đua nhằm tăng hiệu quả trong sản xuất.

- Thực hiện đúng những qui định của Nhà nước về môi trường và thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **1. Về các mặt hoạt động của công ty.**

- Các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, có trách nhiệm với cổ đông, có nhiều đổi mới mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý, điều hành góp phần tạo nên sự ổn định trong công ty. Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ SX chế biến vụ 2019 - 2020, việc làm và thu nhập người lao động ổn định, phát huy vai trò làm chủ của các cổ đông và người lao động, duy trì được kỷ cương của doanh nghiệp.

- Chỉ đạo xây dựng, bổ sung các nội qui, qui chế sát với yêu cầu thực tế đã phát huy được tác dụng tốt trong quản lý điều hành, nâng cao ý thức làm chủ của người lao động . Trong vụ sản xuất 2019 - 2020 công ty đã không xảy ra các tệ nạn xã hội, các công tác an ninh, an toàn VSTP, ATLĐ và PCCN đều được đảm bảo tốt . Nội bộ trong HĐQT đoàn kết và thống nhất cao trong hoạch định phát triển của Công ty .

- Chỉ đạo Ban điều hành, xây dựng quy chế và đề ra các chính sách kinh tế theo hướng tích cực để phát triển vùng nguyên liệu mía trên diện tích đã được quy hoạch, đáp ứng phù hợp lộ trình mở rộng công suất nhà máy .

##### **2. Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc**

- Hội đồng quản trị tập trung bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh vụ sản xuất 2019-2020, tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành Công ty ứng phó với những biến động bất thường tình hình kinh tế trong nước trước ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới các mặt hoạt động công ty, kịp thời điều chỉnh để thích ứng xu thế mới, duy trì ổn định các mặt hoạt động đưa công ty vượt qua những khó khăn thách thức... để mang lại hiệu quả cao .

- Trong năm tổ chức các kỳ họp HĐQT theo định kỳ và lấy ý kiến thông qua phiếu biểu quyết; đã ban hành 11 Nghị quyết, Quyết định xoay quanh các lĩnh vực như : Thông qua mục tiêu,kế hoạch kinh doanh năm vụ 2019 - 2020, Phê duyệt các hạng mục đầu tư nâng cấp dây truyền sản xuất, Quy chế hoạt động công ty cùng nhiều nội dung liên quan khác,...

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào ngày 31/10/2019, thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018-2019 và quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

- Hội đồng quản trị luôn quan tâm hàng đầu vấn đề phát triển vùng nguyên liệu mía; chỉ đạo hoàn thành dự án đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường theo đúng kế hoạch đề ra. Vụ ép 2019-2020 đạt được: Diện tích mía là 2.700 ha; sản lượng mía nguyên liệu đạt 144.352 tấn; công suất ép bình quân đạt 1.700 tấn mía/ ngày.

##### **3. Kế hoạch của Hội đồng quản trị :**

Nền kinh tế-xã hội đầu năm 2020 của nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế thế giới chưa có nhiều chuyển biến khả quan, còn tiềm ẩn yếu tố rủi ro và được dự báo tiếp tục có

những biến động khó lường. Ở trong nước sức tiêu thụ sản phẩm đường đạt thấp, giá bán tiếp tục giảm mạnh, sản phẩm tồn kho nhiều đã ảnh hưởng rất lớn đến các Doanh nghiệp sản xuất đường nói chung và Công ty nói riêng .

Trước tình hình đó Hội đồng quản trị có những kế hoạch và giải pháp sau :

- Tập trung chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện công tác tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất vụ mía đường 2018- 2019 đảm bảo đạt >150.000 tấn mía và > 16.000 tấn đường theo kế hoạch.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác đầu tư , chăm sóc vùng nguyên liệu mía theo diện tích đã được quy hoạch đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho Nhà máy đường với công suất ép bình quân 1.700 TMN và có thể cao hơn. Tiếp tục bổ sung chính sách phát triển vùng nguyên liệu mía nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người trồng mía với Công ty.
- Tập trung chỉ đạo hoàn thành công tác đầu tư nâng công suất dây truyền SX đường, công tác sửa chữa bảo dưỡng dây truyền sản xuất
- Làm tốt hơn, thường xuyên hơn, chất lượng cao hơn công tác môi trường, sản xuất sạch hơn, giảm bụi và tiếng ồn, hài hoà lợi ích của doanh nghiệp với cộng đồng.
- Thực hiện tốt giải pháp về tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giảm chi phí sử dụng vốn. Giám sát quá trình thu nợ đầu tư để có vốn tái đầu tư vùng nguyên liệu và hoạt động sản xuất kinh doanh .
- Thực hiện nghiêm túc Quy chế quản trị Công ty theo tinh thần phát huy cao tính tự chủ, năng động sáng tạo và kỷ cương. Phân cấp, phân quyền, bổ sung và điều chỉnh quy chế trách nhiệm của HĐQT, Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc, các phòng ban đơn vị gắn với trách nhiệm vật chất. Tổ chức thông tin và cập nhật thông tin tình hình phát triển, những khó khăn thuận lợi của Công ty đến các cổ đông.
- Tạo điều kiện thuận lợi và phát huy vai trò của cá nhân và tập thể, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, phát huy văn hoá doanh nghiệp, tổ chức và nâng cao các hoạt động văn hoá thể thao du lịch cải thiện đời sống tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân lao động ngày càng gắn bó yêu mến Công ty.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2019 HĐQT không có sự thay đổi về nhân sự.

### Hội đồng quản trị :

#### a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 30/6/2020	
		Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch/Tổng GD	1.641.619	46,52%
Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch/Phó tổng GD	53.508	1,52%

Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên/TP KH-KD	35.672	1,01%
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên/Kế toán trưởng	79.184	2,24%
Ông Nông Văn Thuyết	Thành viên/NV kỹ thuật	165.816	4,70%

**b. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị:** Hiện nay công ty chưa có các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị.

**c. Hoạt động của hội đồng quản trị:**

**Các cuộc họp, nghị quyết của HĐQT trong niên độ 2019 – 2020**

STT	Số nghị quyết/quyết định	Ngày	Nội dung
01	386/NQ-HĐQT	25/09/2019	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
02	433/NQ-HĐQT	22/10/2019	Về việc thông kế hoạch SXKD vụ 2019-2020
03	435/QĐ-HĐQT	23/10/2019	Về việc Phê duyệt đề án tái cơ cấu hoạt động SXKD của Công ty.
04	447/NQ-HĐQT	31/10/2019	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
05	465/QĐ-HĐQT	11/11/2019	Quyết định về việc phê duyệt Chính sách hỗ trợ đối với lao động dôi dư không bố trí được việc làm.
06	577/NQ-HĐQT	18/12/2019	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch vay vốn ngân hàng để thu mua mía nguyên liệu cho vụ SX 2019-2020.
07	140/NQ-HĐQT	15/05/2020	Về việc nhất trí đầu tư mua căn hộ Shophouse thuộc dự án TNR Star Center Cao Bằng.
08	156/NQ-HĐQT	10/06/2020	Về việc sửa đổi điều lệ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông năm 2019.
09	167/NQ-HĐQT	16/06/2020	Nghị quyết về việc tái cơ cấu lại Ban Tổng giám đốc công ty.
10	168/QĐ-HĐQT	16/06/2020	Phê duyệt phương án hoạt động của cửa hàng Bán & GTSP tại thị trấn Quảng Uyên,

			huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.
11	183/QĐ-HĐQT	26/06/2020	Quyết định về việc thành lập cửa hàng Bán & GTSP tại thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Hoạt động của hội đồng quản trị theo cơ chế tập trung dân chủ tuân thủ pháp luật, điều lệ và các nghị quyết đại hội cổ đông, của hội đồng quản trị. Các thành viên hội đồng quản trị thực hiện chức trách nhiệm vụ theo quy chế hiện hành. Chế độ hội họp của Hội đồng quản trị thực hiện đúng quy định điều lệ và qui chế làm việc, nội dung các cuộc họp chuẩn bị chu đáo, ghi biên bản và ban hành các nghị quyết triển khai đến các cấp điều hành thực hiện.

**d. Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành:**

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành: Trong năm tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Giám sát chặt chẽ hoạt động SXKD của Công ty.

**2. Ban kiểm soát:**

**a. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:**

**Danh sách Ban kiểm soát công ty:**

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 30/6/2020	
		Số cổ phần	Tỷ lệ SH cổ phần
Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng Ban kiểm soát	16.072	0,46%
Ông Trương Minh Đức	Thành viên BKS/ QĐ PX	11.642	0,33%
Ông Đinh Bế Đình	Thành viên BKS /QĐ PX	7.840	0,22%

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

**4. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát**

**a) Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc:**

*Đơn vị tính; Đồng*

STT	Chức vụ	Số thành viên	Tiền lương	Thù lao HĐQT, BKS	Tổng cộng
1	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	1	149,073,000	30,240,000	179,313,000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	-	25,515,000	25,515,000
3	Thành viên HĐQT	3	280,397,000	67,095,000	347,492,000
4	Trưởng Ban kiểm	1	109,173,000	-	109,173,000

	soát				
5	Thành viên Ban kiểm soát	2	195,990,000	22,680,000	218,670,000
6	Phó Tổng giám đốc	2	244,410,000	-	244,410,000
	<b>Cộng</b>		<b>979,043,000</b>	<b>145,530,000</b>	<b>1,124,573,000</b>

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:**

STT	Tên cổ đông	Quan hệ với CĐNB	SL cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phần sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	tỷ lệ	
1	Nông Văn Lạc	CT HĐQT/TGD	1.600.019	45,35%	1.641.619	46,52%	
1.1	Nông Thị Hoa	Vợ	11.760	0,65%	23.049	0,65%	
1.2	Nông Thu Hà	Con	17.380	0,69%	24.332	0,69%	
1.3	Nông Văn Sơn	Con	0		0		
1.4	Nông Văn Ba	Em ruột	4.116	0,16%	5.762	0,16%	
2	Ma Trung Lập	P CT HĐQT /P TGD	38.220	1,52%	53.508	1,52%	
2.1	Lương Thị Hiền	Vợ	0		0		
2.2	Ma Đình Phong	Con	0		0		
2.3	Ma Thị Phương	Em ruột	0		0		
3	Lê Anh Tuấn	Tv HĐQT/ TP KH-KD	25.480	1,01%	35.672	1,01%	
3.1	Chu Thị Phương	Vợ	0		0		
3.2	Lê Quỳnh Mai	Con	0		0		
3.3	Lê Quỳnh Dung	Con	0		0		

3.4	Lê Văn Hưng	Anh ruột	0		0		
3.5	Lê Ngọc Toàn	Em ruột	0		0		
3.6	Lê Đức Thắng	Em ruột	0		0		
4	Bà Mã Thị Quyết	TV HĐQT/ KTT	56.560	2,24%	79.184	2,24%	
4.1	Đàm Thịnh Hưng	Chồng	5.880	0,23%	8.232	0,23%	
4.2	Đàm Lê An Phụng	Con	0		0		
4.3	Đàm Lê An Khánh	Con	0		0		
4.4	Mã Thị Chinh	Chị ruột	0		0		
4.5	Mã Thị Chiến	Chị ruột	0		0		
5	Nông Văn Thuyết	TV HĐQT	118.440	4,70%	165.816	4,70%	
5.1	Hoàng Thị Mai	Vợ	0		0		
5.2	Nông Thị Thủy	Chị ruột	5.376	0,21%	7.526	0,21%	
5.3	Nông Văn Trình	Em ruột	4.200	0.16%	5.880	0.16%	
5.4	Nông Chiêu Dương	Con	0		0		
6	Hoàng Thị Quyết	TB BKS	11.480	0,45%	16.072	0,46%	
6.1	Hoàng Ngọc Long	Chồng	0		0		
6.2	Hoàng Ngọc Quỳnh	Con	0		0		
6.6	Hoàng Ngọc Ân	Con	0		0		

7	Trương Minh Đức	TV BKS	8.316	0,33%	11.642	0,33%	
7.1	Sầm Thị Hương	Vợ	0		0		
7.2	Trương Minh Huy	Con	0		0		
7.3	Trương Minh Tân	Con	0		0		
8	Đinh Bế Đỉnh	TV BKS	5.600	0,22%	7.840	0,22%	
8.1	Nông Thị Hoạch	Vợ	1.400	0,05%	1.960	0,05%	
8.2	Đinh Bế Đan	Con	0		0		

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Trong năm có ký Hợp đồng giao dịch mua bán hàng với cổ đông nội bộ là Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BÀNG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

## 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 05 ngày 05/08/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 35.279.250.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012, thay đổi lần thứ 05 ngày 05/08/2020, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất, xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cốm, bánh kẹo);
- Nhập khẩu vật tư máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất mía đường;
- Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía đường;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, đường dây tải điện đến 35KV và trạm biến áp;
- Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón phục vụ sản xuất bón vi sinh;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu.

## 2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT
Ông Ma Trung Lập	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nông Văn Thuyết	Thành viên HĐQT
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT

### Ban kiểm soát

Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng ban
Ông Trương Minh Đức	Thành viên
Ông Đinh Bế Đính	Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nông Văn Lạc	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2020
Ông Ma Trung Lập	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2020
Bà Nông Thị Nậu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nông Văn Thuyết	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2020
Bà Mã Thị Quyết	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nông Văn Lạc                      Chủ tịch HĐQT

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**MA TRUNG LẬP**  
Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 10 tháng 09 năm 2020



Số: 040/2020/BCKT-PB.00024

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 09 năm 2020, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề được trình bày tại thuyết minh 9.4. Theo đó, tại ngày 30/06/2020, tổng nợ ngắn hạn của Công ty là 63.545.322.478 đồng trong khi đó tổng tài sản ngắn hạn là 60.084.644.862 đồng. Như vậy, nợ ngắn hạn lớn hơn so với tài sản ngắn hạn của Công ty là 3.460.677.616 đồng. Việc thiếu hụt vốn lưu động cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc để từng bước khắc phục tình trạng nêu trên được trình bày tại Thuyết minh 9.4. Theo đó, báo cáo tài chính tiếp tục được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ngoài ra, như trình bày tại thuyết minh 4.5, trong năm nay, giá trị thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân giá quyền tháng thay vì phương pháp bình quân gia quyền năm như năm trước. Việc thay đổi chính sách kế toán này khiến giá thành hàng tồn kho giảm 677.069.206 đồng, giá vốn tăng tương ứng 677.069.206 đồng so với việc tính giá thành sản phẩm theo phương pháp bình quân gia quyền năm.



**LÊ VIỆT CƯỜNG**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –  
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2020

A blue ink signature.

**PHẠM TUẤN VŨ**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2020 VND	01/07/2019 VND
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>60.084.644.862</b>	<b>108.771.136.279</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>16.881.696.811</b>	<b>1.333.599.959</b>
1. Tiền	111		8.881.696.811	1.333.599.959
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	-
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.606.352.466</b>	<b>10.768.573.241</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.945.239.126	8.349.264.747
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.413.681.162	186.362.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.985.479.493	1.993.396.761
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(122.680.000)	(122.680.000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		384.632.685	362.229.233
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>29.596.595.585</b>	<b>96.668.963.079</b>
1. Hàng tồn kho	141		29.596.595.585	111.326.898.272
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(14.657.935.193)
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>67.747.955.606</b>	<b>81.456.661.480</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>55.219.390.252</b>	<b>65.369.122.353</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	53.916.778.366	64.000.468.625
- Nguyên giá	222		241.943.709.679	242.923.809.938
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(188.026.931.313)	(178.923.341.313)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.302.611.886	1.368.653.728
- Nguyên giá	228		1.842.128.434	1.842.128.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(539.516.548)	(473.474.706)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.650.173.955</b>	<b>5.650.173.955</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	5.650.173.955	5.650.173.955
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.878.391.399</b>	<b>10.437.365.172</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	6.878.391.399	10.437.365.172
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>127.832.600.468</b>	<b>190.227.797.759</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2020 VND	01/07/2019 VND
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>66.076.713.478</b>	<b>136.072.739.383</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>63.545.322.478</b>	<b>133.541.348.383</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	309.852.812	26.091.575.540
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	4.119.711.103	16.895.327.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	3.010.495.631	680.670.862
4. Phải trả người lao động	314		1.405.068.602	1.450.869.148
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	790.205.000	144.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	2.156.006.261	5.462.982.164
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	49.937.168.000	80.437.168.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.816.815.069	2.378.755.069
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.531.391.000</b>	<b>2.531.391.000</b>
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.531.391.000	2.531.391.000
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>61.755.886.990</b>	<b>54.155.058.376</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>61.720.886.990</b>	<b>54.120.058.376</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.279.250.000	35.279.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.279.250.000	35.279.250.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.943.264.691	3.943.264.691
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.894.768.803	66.894.768.803
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		9.986.262.112	9.986.262.112
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(54.382.658.616)	(61.983.487.230)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(61.983.487.230)	(33.228.344.986)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.600.828.614	(28.755.142.244)
<b>III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>35.000.000</b>	<b>35.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		35.000.000	35.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>127.832.600.468</b>	<b>190.227.797.759</b>



**MÀ TRUNG LẬP**  
 Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 10 tháng 09 năm 2020

**MÃ THỊ QUYẾT**  
 Kế toán trưởng

**MÃ THỊ QUYẾT**  
 Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	256.143.434.371	162.180.715.608
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	342.483.333	34.910.285
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>255.800.951.038</b>	<b>162.145.805.323</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	236.535.512.973	181.083.070.427
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>19.265.438.065</b>	<b>(18.937.265.104)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	128.507.974	78.550.005
7. Chi phí tài chính	22	6.5	5.471.936.524	3.743.542.194
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.271.163.905	3.685.893.148
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	1.471.944.477	1.132.519.049
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	5.657.669.380	5.162.940.370
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>6.792.395.658</b>	<b>(28.897.716.712)</b>
11. Thu nhập khác	31	6.8	4.690.080.745	4.336.801.439
12. Chi phí khác	32	6.9	3.881.647.789	4.125.688.571
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>808.432.956</b>	<b>211.112.868</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>7.600.828.614</b>	<b>(28.686.603.844)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	68.538.400
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>7.600.828.614</b>	<b>(28.755.142.244)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	2.154	(8.151)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	2.154	(8.151)



**MÀ TRUNG LẬP**

**Tổng Giám đốc**

Cao Bằng, ngày 10 tháng 09 năm 2020

**MÃ THỊ QUYẾT**  
**Kế toán trưởng**

**MÃ THỊ QUYẾT**  
**Người lập biểu**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Chi tiêu	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	258.413.741.616	181.834.803.210
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(164.616.025.606)	(171.376.618.527)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.125.836.008)	(15.393.278.221)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.114.657.535)	(3.817.893.148)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	-	(68.538.400)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	834.946.131	262.860.741
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(21.972.404.233)	(9.390.991.541)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>54.419.764.365</b>	<b>(17.949.655.886)</b>
<b>II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.434.130.778)	(6.003.132.914)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.815.727	13.471.018
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.413.315.051)</b>	<b>(2.489.661.896)</b>
<b>III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	63.500.000.000	141.837.168.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(94.000.000.000)	(121.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(6.703.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(30.500.000.000)</b>	<b>20.830.464.800</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>15.506.449.314</b>	<b>391.147.018</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.333.599.959</b>	<b>937.926.685</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	41.647.538	4.526.256
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>16.881.696.811</b>	<b>1.333.599.959</b>



**MÀ TRUNG LẬP**  
 Tổng Giám đốc

Cao Bằng, ngày 10 tháng 09 năm 2020

**MÃ THỊ QUYẾT**  
 Kế toán trưởng

**MÃ THỊ QUYẾT**  
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 05 ngày 05/08/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 35.279.250.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Công ty hiện đang niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch UPCOM theo quyết định số 428/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 06 năm 2017 của Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán: CBS.

### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 thay đổi lần thứ 05 ngày 05/08/2020, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất, xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cồn, bánh kẹo);
- Nhập khẩu vật tư máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất mía đường;
- Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía đường;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, đường dây tải điện đến 35KV và trạm biến áp;
- Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón phục vụ sản xuất bón vi sinh;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu.

### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### **1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

### **1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

---

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm sau.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

*Dự phòng nợ khó đòi*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Là chi phí nguyên vật liệu đóng bao đường túi.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trong năm nay, giá trị thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân giá quyền tháng thay vì phương pháp bình quân gia quyền năm như năm trước. Việc thay đổi chính sách kế toán này khiến giá thành hàng tồn kho giảm 677.069.206 đồng, giá vốn tăng tương ứng 677.069.206 đồng so với việc tính giá thành sản phẩm theo phương pháp bình quân gia quyền năm.

Các mặt hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp bình quân giá quyền theo tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

#### **Chi phí khác**

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

#### **4.7 Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

#### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

#### **4.9 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất của công ty bao gồm các diện tích đất có thời hạn sử dụng và không có thời hạn sử dụng cho mục đích xả thải. Chi tiết các diện tích đất được trình bày tại thuyết minh 5.8.

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

chỉ ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

#### **4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **4.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

#### **4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

#### **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **4.17 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2020	01/07/2019
	VND	VND
Tiền mặt	850.269.931	506.246.340
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.031.426.880	827.353.619
<i>Tiền gửi VND</i>	3.868.186.539	827.279.728
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	4.163.240.341	73.891
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>16.881.696.811</b>	<b>1.333.599.959</b>

**5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/06/2020		01/07/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH TMTH Kim Anh	49.883.718	-	374.100.000	-
Công ty TNHH SX và Thương Mại Tư Dung	259.290.000	-	129.000.000	-
Phải thu nợ vùng nguyên liệu	3.751.547.008	(112.680.000)	4.325.966.747	(112.680.000)
Các khách hàng khác	884.518.400	-	3.520.198.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.945.239.126</b>	<b>(112.680.000)</b>	<b>8.349.264.747</b>	<b>(112.680.000)</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2020		01/07/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Bất động sản Hano-Vid	4.673.456.238	-	-	-
Công ty TNHH Thiết bị năng lượng môi trường Tỉnh nhuệ Quảng Tây	1.007.132.705	-	-	-
Các khách hàng khác	733.092.219	-	186.362.500	-
<b>Cộng</b>	<b>6.413.681.162</b>	<b>-</b>	<b>186.362.500</b>	<b>-</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2020		01/07/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	1.601.752.848	-	1.263.446.848	-
Phải thu ứng tiền đầu cho lái xe chở mía	-	-	91.681.452	-
Phải thu BHXH, KPCĐ người lao động	209.610.568	-	482.235.944	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	174.116.077	(10.000.000)	156.032.517	(10.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>1.985.479.493</b>	<b>(10.000.000)</b>	<b>1.993.396.761</b>	<b>(10.000.000)</b>

**5.5 Nợ xấu**

	30/06/2020		01/07/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Hà Thị Thoa	42.120.000	-	42.120.000	-
Ngọc Thị Tuyết	70.560.000	-	70.560.000	-
Ban QL KKT cửa khẩu Tà Lùng	10.000.000	-	10.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>122.680.000</b>	<b>-</b>	<b>122.680.000</b>	<b>-</b>

Các khoản công nợ được trích dự phòng nợ khó đòi đều có thời gian quá hạn trên 3 năm.

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2020		01/07/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.220.077.761	-	781.637.880	-
Công cụ, dụng cụ	2.686.643.799	-	2.558.209.043	-
Chi phí SXKD dở dang	234.343.652	-	669.865.159	-
Thành phẩm	25.015.874.123	-	72.586.719.185	(14.657.935.193)
Hàng hoá	396.475.129	-	926.113.577	-
Hàng gửi đi bán	43.181.121	-	33.804.353.428	-
<b>Cộng</b>	<b>29.596.595.585</b>	<b>-</b>	<b>111.326.898.272</b>	<b>(14.657.935.193)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/07/2019	60.096.449.102	178.955.276.807	3.682.683.236	189.400.793	242.923.809.938
Mua trong kỳ		155.000.000			155.000.000
Tài sản cũ, hỏng, thay thế	(85.100.259)	(1.050.000.000)			(1.135.100.259)
30/06/2020	<u>60.011.348.843</u>	<u>178.060.276.807</u>	<u>3.682.683.236</u>	<u>189.400.793</u>	<u>241.943.709.679</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
01/07/2019	40.413.794.679	135.072.715.612	3.265.163.562	171.667.460	178.923.341.313
Khấu hao trong năm	2.476.262.691	7.614.083.945	143.356.123	4.987.500	10.238.690.259
Tài sản cũ, hỏng, thay thế	(85.100.259)	(1.050.000.000)			(1.135.100.259)
30/06/2020	<u>42.804.957.111</u>	<u>141.636.799.557</u>	<u>3.408.519.685</u>	<u>176.654.960</u>	<u>188.026.931.313</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/07/2019	19.682.654.423	43.882.561.195	417.519.674	17.733.333	64.000.468.625
30/06/2020	<u>17.206.391.732</u>	<u>36.423.477.250</u>	<u>274.163.551</u>	<u>12.745.833</u>	<u>53.916.778.366</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định đem thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng là 43.400.806.179 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 107.779.808.962 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/07/2019	1.724.719.343	-	-	117.409.091	-	1.842.128.434
Thanh lý, nhượng bán						-
30/06/2020	1.724.719.343	-	-	117.409.091	-	1.842.128.434
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
01/07/2019	473.474.706	-	-	-	-	473.474.706
Khấu hao trong năm	52.763.432	-	-	13.278.410	-	66.041.842
30/06/2020	526.238.138	-	-	13.278.410	-	539.516.548
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/07/2019	1.251.244.637	-	-	117.409.091	-	1.368.653.728
30/06/2020	1.198.481.205	-	-	104.130.681	-	1.302.611.886

Giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm 30/06/2020 gồm:

Lô đất	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Giá trị (VND)	Pháp lý
Đất ao thải	8.890	20 năm	1.055.268.643	Đã có sổ đỏ
Đất tuyến mương thoát nước ao thải		Không thời hạn	27.191.700	Đang làm sổ đỏ
Đất bến Xà Lan	3.633,5	Không thời hạn	574.911.000	Đang làm sổ đỏ
Đất tại cửa xả nước thải	160	Không thời hạn	67.348.000	Đang làm sổ đỏ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/07/2019	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản	5.650.173.955	-	-	5.650.173.955
Dự án Trại mía giống	442.919.903			442.919.903
Dự án khu dân cư	5.207.254.052			5.207.254.052
<b>Cộng</b>	<b>5.650.173.955</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.650.173.955</b>

**5.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2020	01/07/2019
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.498.199.150	6.954.780.890
Chi phí sửa chữa	226.503.152	150.656.455
Các khoản khác	2.153.689.097	3.331.927.827
<b>Cộng</b>	<b>6.878.391.399</b>	<b>10.437.365.172</b>

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2020		01/07/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Đàm Diệu Hoa ( Tổng cửa hàng P.Phối máy NN xuân về - Long châu - QTây - T.Q)	-	-	493.995.899	493.995.899
Công ty cổ phần vật tư Nông nghiệp Cao Bằng	-	-	3.641.010.000	3.641.010.000
Công nợ phải trả lái xe chở mía	-	-	3.855.248.918	3.855.248.918
Công ty cổ phần bao bì Đồng Phú	6.010.400	6.010.400	1.467.614.610	1.467.614.610
Các hộ nông dân trồng mía	-	-	15.072.963.114	15.072.963.114
Các nhà cung cấp khác	303.842.412	303.842.412	1.560.742.999	1.560.742.999
<b>Cộng</b>	<b>309.852.812</b>	<b>309.852.812</b>	<b>26.091.575.540</b>	<b>26.091.575.540</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2020		01/07/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đức Lộc	-	-	9.676.500.000	9.676.500.000
Công ty CPTM&DV Song Phương	-	-	5.650.000.000	5.650.000.000
Công ty TNHH TM - XNK Cửu Liên Long Châu Quảng tây	-	-	1.561.488.600	1.561.488.600
Công ty TNHH Thành Hựu	2.323.500.000	2.323.500.000	-	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hiền Nhung	1.772.450.500	1.772.450.500	-	-
Các đối tượng khác	23.760.603	23.760.603	7.339.000	7.339.000
<b>Cộng</b>	<b>4.119.711.103</b>	<b>4.119.711.103</b>	<b>16.895.327.600</b>	<b>16.895.327.600</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/07/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	680.670.862	11.331.421.585	9.323.041.229	2.689.051.218
Thuế xuất, nhập khẩu	-	177.474.079	177.474.079	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	27.386.984	27.386.984	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	461.915.026	323.802.613	138.112.413
Các loại thuế khác	-	12.913.205	12.913.205	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	258.316.700	74.984.700	183.332.000
<b>Cộng</b>	<b>680.670.862</b>	<b>12.452.735.929</b>	<b>10.306.243.160</b>	<b>3.010.495.631</b>

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2020	01/07/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	790.205.000	-
Chi phí khác	-	144.000.000
<b>Cộng</b>	<b>790.205.000</b>	<b>144.000.000</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

### 5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2020		01/07/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kinh phí công đoàn	349.571.253	349.571.253	568.693.759	568.693.759
Bảo hiểm xã hội	11.971	11.971	620.695.121	620.695.121
Cổ tức phải trả	185.236.840	185.236.840	185.236.840	185.236.840
Phải trả khác	1.621.186.197	1.621.186.197	4.088.356.444	4.088.356.444
<b>Cộng</b>	<b>2.156.006.261</b>	<b>2.156.006.261</b>	<b>5.462.982.164</b>	<b>5.462.982.164</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2020		Trong kỳ		01/07/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>49.937.168.000</b>	<b>49.937.168.000</b>	<b>63.500.000.000</b>	<b>94.000.000.000</b>	<b>80.437.168.000</b>	<b>80.437.168.000</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Phục Hoà <i>	38.500.000.000	38.500.000.000	58.500.000.000	88.000.000.000	68.000.000.000	68.000.000.000
Vay cá nhân ông Nông Văn Lạc	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay cá nhân khác	11.437.168.000	11.437.168.000	5.000.000.000	5.000.000.000	11.437.168.000	11.437.168.000
<b>Cộng</b>	<b>49.937.168.000</b>	<b>49.937.168.000</b>	<b>63.500.000.000</b>	<b>94.000.000.000</b>	<b>80.437.168.000</b>	<b>80.437.168.000</b>

- (i) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 8312-LAV-2020000103 ngày 22 tháng 01 năm 2020 với hạn mức tín dụng tối đa là 68.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là để mua mía nguyên liệu, mua nguyên nhiên vật liệu khác phục vụ sản xuất và mua mía giống, phân bón, vôi bột ứng trước cho người trồng mía. Thời hạn cho vay của hợp đồng không quá 12 tháng được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng tài sản cố định của Công ty, tài sản thuộc sở hữu của ông Nông Văn Lạc gồm căn hộ tại Khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, xã Mễ Trì, huyện Nam Từ Liêm, Hà Nội và cổ phần tại Công ty CP Mía đường Cao Bằng.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5.17 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**

**5.17.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	35.279.250.000	3.943.264.691	66.894.768.803	9.986.262.112	(33.228.344.986)	82.875.200.620
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(28.755.142.244)	(28.755.142.244)
Số dư cuối năm trước	<u>35.279.250.000</u>	<u>3.943.264.691</u>	<u>66.894.768.803</u>	<u>9.986.262.112</u>	<u>(61.983.487.230)</u>	<u>54.120.058.376</u>
Số dư đầu năm	35.279.250.000	3.943.264.691	66.894.768.803	9.986.262.112	(61.983.487.230)	54.120.058.376
Lãi trong năm nay					7.600.828.614	7.600.828.614
Số dư cuối năm	<u>35.279.250.000</u>	<u>3.943.264.691</u>	<u>66.894.768.803</u>	<u>9.986.262.112</u>	<u>(54.382.658.616)</u>	<u>61.720.886.990</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2020		01/07/2019	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Nông Văn Lạc	16.416.190.000	46,52%	16.000.190.000	45,35%
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	1.960.000.000	5,56%	1.960.000.000	5,56%
Vốn góp của cổ đông khác	16.903.060.000	47,92%	17.319.060.000	49,09%
<b>Cộng</b>	<b>35.279.250.000</b>	<b>100%</b>	<b>35.279.250.000</b>	<b>100%</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	18.269.425.881	31.761.934.029
Doanh thu bán sản phẩm	237.874.008.490	130.418.781.579
<b>Cộng</b>	<b>256.143.434.371</b>	<b>162.180.715.608</b>

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	66.990.952.382	24.285.714.286
<b>Cộng</b>	<b>66.990.952.382</b>	<b>24.285.714.286</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	333.333.333	21.515.285
Hàng bán bị trả lại	9.150.000	13.395.000
<b>Cộng</b>	<b>342.483.333</b>	<b>34.910.285</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.470.717.438	1.925.864.706
Giá vốn của thành phẩm đã bán	245.722.730.728	177.265.634.957
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.657.935.193)	1.891.570.764
<b>Cộng</b>	<b>236.535.512.973</b>	<b>181.083.070.427</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.815.727	13.471.018
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	107.692.247	65.078.987
	<b>128.507.974</b>	<b>78.550.005</b>

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	5.271.163.905	3.685.893.148
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	200.772.619	56.782.653
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	866.393
<b>Cộng</b>	<b>5.471.936.524</b>	<b>3.743.542.194</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**6.6 Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	156.330.724	137.374.244
Chi phí vật liệu, bao bì	24.001.930	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	128.180.363	128.180.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.109.387.454	812.031.339
Chi phí bằng tiền khác	54.044.006	54.933.102
<b>Cộng</b>	<b>1.471.944.477</b>	<b>1.132.519.049</b>

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.951.855.308	2.091.323.964
Chi phí đồ dùng văn phòng	127.685.000	97.462.727
Chi phí khấu hao TSCĐ	371.903.129	437.756.700
Thuế, phí và lệ phí	474.828.231	550.727.957
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(62.832.000)
Chi phí bằng tiền khác	2.731.397.712	1.907.353.932
<b>Cộng</b>	<b>5.657.669.380</b>	<b>5.162.940.370</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	342.692.000
Bán phân bón, mía giống	3.767.868.762	3.956.202.717
Thu nhập khác	922.211.983	37.906.722
<b>Cộng</b>	<b>4.690.080.745</b>	<b>4.336.801.439</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**6.9 Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của phân bón, mía giống	3.818.271.918	3.944.070.102
Các khoản khác	63.375.871	181.618.469
<b>Cộng</b>	<b>3.881.647.789</b>	<b>4.125.688.571</b>

**6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.600.828.614</b>	<b>(28.686.603.844)</b>
Trong đó,		
Hoạt động sản xuất kinh doanh	7.600.828.614	(29.029.295.844)
Hoạt động kinh doanh bất động sản	-	342.692.000
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>33.548.576</b>	<b>147.652.869</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	33.548.576	147.652.869
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	33.548.576	147.652.869
<b>Thu nhập được miễn thuế</b>		
<b>Các khoản lỗ được kết chuyển</b>	<b>(61.983.487.230)</b>	<b>(32.687.301.231)</b>
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>(54.349.110.040)</b>	<b>(61.226.252.206)</b>
Trong đó,		
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	-	342.692.000
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế TNDN theo thuế suất thông thường</b>	<b>-</b>	<b>68.538.400</b>
Trong đó,		
Hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-
Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	68.538.400
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>68.538.400</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	7.600.828.614	(28.755.142.244)
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	7.600.828.614	(28.755.142.244)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.527.925	3.527.925
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.154</b>	<b>(8.151)</b>

**6.12 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	7.600.828.614	(28.755.142.244)
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	7.600.828.614	(28.755.142.244)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.527.925	3.527.925
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.154</b>	<b>(8.151)</b>

**6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	20.188.979.998	21.256.838.420
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	136.592.676.388	187.948.002.976
Chi phí công cụ dụng cụ	21.135.000	837.185.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.271.183.525	10.138.628.656
Thuế, phí, lệ phí	474.828.231	550.727.957
Chi phí dự phòng	(14.657.935.193)	(62.832.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.218.954.192	5.575.730.912
Chi phí khác bằng tiền	4.306.041.319	3.820.273.599
<b>Cộng</b>	<b>161.415.863.460</b>	<b>230.064.556.031</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	63.500.000.000	141.837.168.000

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	94.000.000.000	121.000.000.000

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

---

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	49.937.168.000	-	-	49.937.168.000
Phải trả người bán	309.852.812	-	-	309.852.812
Chi phí phải trả	790.205.000	-	-	790.205.000
Phải trả khác	1.806.423.037	-	-	1.806.423.037
<b>Cộng</b>	<b>52.843.648.849</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>52.843.648.849</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	80.437.168.000	-	-	80.437.168.000
Phải trả người bán	26.091.575.540	-	-	26.091.575.540
Chi phí phải trả	144.000.000	-	-	144.000.000
Phải trả khác	4.273.593.284	-	-	4.273.593.284
<b>Cộng</b>	<b>110.946.336.824</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>110.946.336.824</b>

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**iv. Giá trị hợp lý**

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2020		01/07/2019		30/06/2020	01/07/2019
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.881.696.811	-	1.333.599.959	-	16.881.696.811	1.333.599.959
Phải thu khách hàng	4.945.239.126	(112.680.000)	8.349.264.747	(112.680.000)	4.832.559.126	8.236.584.747
Phải thu khác	383.726.645	(10.000.000)	729.949.913	(10.000.000)	373.726.645	719.949.913
	<b>22.210.662.582</b>	<b>(122.680.000)</b>	<b>10.412.814.619</b>	<b>(122.680.000)</b>	<b>22.087.982.582</b>	<b>10.290.134.619</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	49.937.168.000	-	80.437.168.000	-	49.937.168.000	80.437.168.000
Phải trả người bán	309.852.812	-	26.091.575.540	-	309.852.812	26.091.575.540
Chi phí phải trả	790.205.000	-	144.000.000	-	790.205.000	144.000.000
Phải trả khác	1.806.423.037	-	4.273.593.284	-	1.806.423.037	4.273.593.284
	<b>52.843.648.849</b>	<b>-</b>	<b>110.946.336.824</b>	<b>-</b>	<b>52.843.648.849</b>	<b>110.946.336.824</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2020 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

## 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, BKS	979.043.202	1.064.023.611
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	145.530.000	143.220.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG  
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

### 9.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
			VND	VND
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	Cổ đông lớn	Bán sản phẩm đường	66.990.952.382	24.285.714.286

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5

### 9.2 Thông tin về bộ phận

Trong năm tài chính, Công ty chủ yếu chỉ hoạt động mua bán kinh doanh sản phẩm đường trong lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động khác là không đáng kể (dưới 10% tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế) nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

### 9.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

### 9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Theo đó, tại ngày 30/06/2020, tổng nợ ngắn hạn của Công ty là 63.545.322.478 đồng trong khi đó tổng tài sản ngắn hạn là 60.084.644.862 đồng. Như vậy, nợ ngắn hạn lớn hơn so với tài sản ngắn hạn của Công ty là 3.460.677.616 đồng. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã thận trọng đánh giá để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong thời gian tới của Công ty.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ thực hiện các giải pháp duy trì nâng cao doanh thu và tiết giảm chi phí để khắc phục tình trạng lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty tiếp tục hoạt động tốt trong thời gian tới và sẽ từng bước cơ cấu một phần nợ vay ngắn hạn sang dài hạn để bảo đảm khả năng thanh toán của Công ty.

Ngoài ra, không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

### 9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**MÀ TRUNG LẬP**

**Tổng Giám đốc**

Cao Bằng, ngày 10 tháng 09 năm 2020

**MÃ THỊ QUYẾT**

**Kế toán trưởng**

**MÃ THỊ QUYẾT**

**Người lập biểu**